

Số 5317 /QĐ-BNN-CBTTNS

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c); các Thứ trưởng;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hiệp hội NNHCVN;
- Lưu VT, CBTTNS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CBTTNS ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 (gọi tắt là Đề án), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Đề án với các nội dung lớn như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hoá nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Đề án để các bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu Đề án mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt;

2. Giao trách nhiệm chủ trì cho các đơn vị thuộc Bộ chủ động triển khai các nội dung liên quan chức năng nhiệm vụ, chuyên ngành quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời giao đầu mối của Bộ trong việc phối hợp với các bộ, ngành địa phương đối với nhiệm vụ liên quan của Đề án;

3. Tăng cường hiệu quả phối hợp các đơn vị trong Bộ và địa phương trong việc huy động các nguồn lực xã hội trên địa bàn (doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã) xây dựng các mô hình điểm triển khai Đề án theo danh mục đã phê duyệt và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ

1. Phối hợp xác định, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực

a) Đối với nhiệm vụ xác định, xây dựng các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm chủ lực như lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, dừa, điều; xây dựng kế hoạch chuyển đổi các vùng đang sản xuất các sản phẩm chủ lực sang sản xuất hữu cơ: *Giao Cục Trồng trọt là đầu mối phối hợp với các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện, Trường liên quan trong Bộ và Trung tâm Khuyến nông quốc gia (các đơn vị liên quan trong Bộ) các đơn vị liên quan của UBND các tỉnh, thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Hiệp hội, doanh nghiệp, ... (các đơn vị liên quan ngoài Bộ) triển khai thực hiện.*

b) Đối với nhiệm vụ xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến, thịt gia súc gia cầm; xây dựng vùng chăn nuôi trâu, bò hữu cơ gắn với vùng đồng cỏ, vùng trồng trọt sản xuất thức ăn thô xanh hữu cơ: *Giao Cục Chăn nuôi là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

c) Đối với nhiệm vụ xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ (gồm các sản phẩm chủ lực như tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa); phát triển vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ tập trung: *Giao Tổng cục Thủy sản là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

d) Đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng sản xuất hữu cơ được chứng nhận từ các vùng sản xuất, khai thác sản phẩm tự nhiên; phát triển sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên và sản xuất thâm canh: *Giao Tổng cục Lâm nghiệp là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

2. Thực hiện chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các Bộ, ngành và địa phương khác có liên quan

Các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Bộ cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án và chủ động lồng ghép vào nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ trong việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược, đề án phát triển và kế hoạch cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực giai đoạn 2020-2030 và các năm tiếp theo đảm bảo tính liên tục và hiệu quả. Cụ thể:

a) Giao Cục Trồng trọt là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành trồng trọt với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược, đề án phát triển và kế hoạch cơ cấu lại ngành trồng trọt giai đoạn 2020-2030 và các năm tiếp theo nhằm nâng cao giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ vào năm 2025 và gấp 1,5-1,8 lần vào năm 2030; đạt mục tiêu diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 1% tổng diện tích đất trồng trọt với các cây trồng chủ lực (lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, điều, dừa...) vào năm 2025 và khoảng trên 2% vào năm 2030;

b) Giao Cục Chăn nuôi là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành chăn nuôi với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 nhằm đạt mục tiêu tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 1 - 2% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước vào năm 2025 và khoảng 2-3% vào năm 2030; Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ theo tiềm năng thế mạnh được ưu tiên (Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến sào, thịt gia súc gia cầm...);

c) Giao Tổng cục Thủy sản là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành thủy sản với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 nhằm nâng cao giá

trị sản phẩm trên 1ha đất nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ vào năm 2025 và gấp 1,5-1,8 lần vào năm 2030; đạt mục tiêu diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 0,5-1,5% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản vào năm 2025 và 1,5-3% vào năm 2030, trong đó tập trung một số loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế (tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa...);

d) Giao Tổng cục Lâm nghiệp là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành lâm nghiệp với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các Bộ, ngành và địa phương khác có liên quan nhằm đạt mục tiêu đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90 - 95% vào năm 2025 và 95-98% vào năm 2030; đối với hình thức thâm canh (sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75 - 80% vào năm 2025 và 80-85% vào năm 2030;

đ) Giao Cục Bảo vệ thực vật là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các Bộ, ngành và địa phương khác có liên quan nhằm đạt mục tiêu sản xuất và tiêu thụ phân bón hữu cơ trong nước theo Chỉ thị số 117/CTBNN-BVTV ngày 07/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tăng cường, phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ, tăng tỉ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón lên 15% năm 2025; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30% vào năm 2025;

e) Giao Cục Chế biến và PTTTNS là đơn vị đầu mối, phối hợp với Vụ Kế hoạch tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện để đạt mục tiêu diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 2% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp vào năm 2025 và 2,5-3,0% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp vào năm 2030.

3. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ

a) Đối với nhiệm vụ xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các nông dân, doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung: *Giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

b) Đối với nhiệm vụ khuyến khích các hình thức sản xuất quy mô hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm hữu cơ đặc sản bản địa, sản phẩm khai thác từ tự nhiên có giá trị gia tăng cao và giá trị truyền thống: *Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

c) Đối với nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn cây hữu cơ gắn với thu gom rác thải, làm phân hữu cơ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới: *Giao Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia*

Nông thôn mới là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.

4. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ

a) Đối với nhóm nhiệm vụ: (1) Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải nhà kính; (2) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học và các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp; (3) Nghiên cứu, đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất, nhu cầu dinh dưỡng cho các cây trồng chủ lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững; (4) Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao; (5) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe của người dân; (6) Nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi, con giống phù hợp với sản xuất hữu cơ: *Giao Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

b) Đối với nhiệm vụ triển khai thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, dược liệu và muối) và mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ:

- *Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản là đầu mối tập hợp thông tin đề xuất của các địa phương và từ các đơn vị có năng lực đăng ký tự nguyện tham gia; tổng hợp kết quả triển khai và sơ, tổng kết, nhân rộng mô hình;*

- *Giao Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với các Tổng cục (Thủy sản, Lâm nghiệp) và các Cục (Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Chế biến và Phát triển thị trường nông sản), Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Hiệp hội thẩm định, lựa chọn, xác định các yếu tố hoàn thiện mô hình; trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt danh sách và các đơn vị đầu mối hoặc phối hợp triển khai theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phê duyệt tại Đề án và Kế hoạch này của Bộ; tham mưu Bộ bố trí vốn ngân sách (kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông...) triển khai và nhân rộng mô hình thí điểm.*

5. Bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực

a) Đối với nhiệm vụ xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức thực hiện tập huấn, bồi dưỡng về nông nghiệp hữu cơ cho cán bộ quản lý các cấp, người sản xuất và tập huấn viên (TOT):

- *Xây dựng chương trình, tài liệu và bồi dưỡng cán bộ quản lý: Giao Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ, các chuyên gia để xây dựng; chủ động cân đối và bố trí kinh phí theo quy*

định để xây dựng, nghiệm thu, phát hành tài liệu và triển khai tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch.

- Xây dựng chương trình tài liệu và bồi dưỡng cho người sản xuất: *Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ, các chuyên gia để xây dựng; chủ động cân đối và bố trí kinh phí theo quy định để xây dựng, nghiệm thu, phát hành tài liệu và triển khai tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch.*

- Xây dựng chương trình tài liệu và tập huấn cho người làm công tác khuyến nông trung ương và địa phương làm nhiệm vụ tiếp tục tập huấn cho người sản xuất (Tập huấn cho tập huấn viên: TOT): *Giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ, các chuyên gia để xây dựng; chủ động cân đối và bố trí kinh phí theo quy định để xây dựng, nghiệm thu, phát hành tài liệu và triển khai tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch.*

- Về việc nghiệm thu, phê duyệt ban hành chương trình tài liệu cho cán bộ quản lý, người sản xuất và TOT nêu trên: *Giao Vụ Tổ chức cán bộ là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Bộ phụ trách về nông nghiệp hữu cơ thành lập Hội đồng của Bộ để triển khai thực hiện.*

b) Đối với nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành nâng cao năng lực chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các tổ chức chứng nhận: *Giao Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi (các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ) theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.*

c) Đối với nhiệm vụ tăng cường giáo dục về nông nghiệp hữu cơ cho học sinh phổ thông và sinh viên các trường dạy nghề, cao đẳng và trường đại học thuộc lĩnh vực nông lâm thủy sản: *Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản là đầu mối phối hợp với các đơn vị quản lý, các viện, trường có liên quan thuộc Bộ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động và TBXH triển khai thực hiện.*

6. Phát triển các tổ chức chứng nhận, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình kỹ thuật

a) Đối với nhiệm vụ: Hỗ trợ, tạo điều kiện để thành lập, nâng cao năng lực, phát triển các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam; Từng bước hình thành hệ thống tổ chức chứng nhận của Việt Nam được thừa nhận bởi các quốc gia nhập khẩu, tổ chức chứng nhận quốc tế; Tổng hợp, quản lý các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam: *Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản là đầu mối phối hợp với các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ và các Bộ ngành có liên quan, địa phương và Hiệp hội, doanh nghiệp, ... để tổng hợp, tham mưu triển khai thực hiện.*

b) Đối với nhiệm vụ xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật phục vụ sản xuất và quản lý nông nghiệp hữu cơ: *Giao Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường là đầu mối tổng hợp rà soát, đề xuất của các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ; phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện.*

7. Tăng cường chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hữu cơ

Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ tham mưu triển khai thực hiện.

8. Phát triển các vật tư đầu vào phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ

a) Đối với nhiệm vụ công bố công khai danh mục các vật tư đầu vào đảm bảo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ: *Giao Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan công bố, kiểm tra và quản lý theo quy định.*

b) Đối với nhiệm vụ phát triển đa dạng vật tư đầu vào phục vụ phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản hữu cơ (giống, thức ăn, thuốc thú y sinh học...): *Giao Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi, Cục Thú y theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra và quản lý theo quy định.*

d) Đối với nhiệm vụ phát triển đa dạng vật tư đầu vào phục vụ phát triển trồng trọt hữu cơ (giống, phân hữu cơ, tác nhân phòng trừ sinh học...): *Giao Cục trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra và quản lý theo quy định.*

9. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện Đề án

Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản là cơ quan đầu mối của Bộ liên hệ với các đơn vị đầu mối các Bộ, ngành, địa phương nắm bắt kết quả triển khai theo trách nhiệm được phân công trong Đề án; chủ trì và phối hợp với các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức đoàn công tác liên ngành đánh giá, kiểm tra, giám sát định kỳ/đợt xuất việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án; tổng hợp kết quả và báo cáo cấp có thẩm quyền.

III. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về nông nghiệp hữu cơ

a) Đối với giải pháp phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung:

- Về việc xây dựng hệ thống phân phối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ (kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái) theo đặc thù vùng miền, qua đó tổng kết bài học thành công để hoàn thiện quy trình và tập huấn chuyển giao: *Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát*

triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai, thực hiện;

- Về việc tăng cường sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định; xác định các vùng có tiềm năng thế mạnh về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ để khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân sản xuất nông nghiệp hữu cơ: *Giao các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước phối hợp các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

b) Đối với giải pháp quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ: Quản lý giống được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, phụ gia, nước tưới cho cây trồng và nước dùng cho chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sử dụng trong sản xuất hữu cơ; quy trình canh tác cây trồng, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản hữu cơ, ... : *Giao Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Thanh tra Bộ và các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

c) Đối với quản lý sản phẩm nông nghiệp hữu cơ:

- Việc kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định: *Giao Thanh tra Bộ là đầu mối phối hợp với Tổng cục, cục quản lý chuyên ngành, các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

- Việc thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ tại từng công đoạn sản xuất, chế biến: *Giao các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành căn cứ theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

d) Đối với việc hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ: *Giao các Tổng cục Thủy sản, Lâm nghiệp và các Cục Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Thú y, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Chế biến và Phát triển thị trường nông sản theo chức năng nhiệm vụ là đầu mối phối hợp các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

2. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế

a) Đối với việc xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ: *Giao Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường là đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

b) Đối với việc thúc đẩy hợp tác quốc tế, thường xuyên liên lạc với các tổ chức chứng nhận quốc tế uy tín trên thế giới, các chuyên gia hàng đầu về nông nghiệp hữu cơ để tổ chức tập huấn, hội thảo, diễn đàn, từng bước nâng cao nhận thức, năng lực sản xuất và năng lực chứng nhận về nông nghiệp hữu cơ cho các tổ chức, cá nhân có liên quan của Việt Nam: *Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ

a) Đối với việc hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia thành lập các tổ chức chứng nhận trong nước có uy tín và đầu tư xây dựng các mô hình nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến các sản phẩm hữu cơ; chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ: *Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

b) Đối với việc: Xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, dược liệu và muối): *Giao Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là đầu mối chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

c) Đối với việc xây dựng mô hình về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp hữu cơ: *Giao Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.*

4. Thông tin tuyên truyền

Giao Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản là đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ triển khai thực hiện.

(Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT theo chức năng nhiệm vụ và căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo Bộ (qua Cục Chế biến và PTTTNS) về tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ hoàn thành, nhiệm vụ chưa hoàn thành, những khó khăn và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện. Báo cáo gửi qua đường văn thư và địa chỉ email (thuongmai.cb@gmail.com) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đơn vị chủ trì, phối hợp chủ động rà soát nhiệm vụ và kinh phí triển khai trình đơn vị có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Giao Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính căn cứ vào đề xuất của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí theo quy định để triển khai hiệu quả thành công Đề án.

5. Giao Cục Chế biến và PTTTNS đầu mối, phối hợp các đơn vị liên quan trong Bộ, các Bộ ngành có liên quan và địa phương theo dõi, đôn đốc, nắm bắt tình hình tham mưu Lãnh đạo xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án nói chung, các mô hình điểm nói riêng.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố tham mưu UBND tỉnh sớm xây dựng và triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Đề án đã được phê duyệt. Đồng thời chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ quản lý và người sản xuất; huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm; triển khai các nội dung khác trên địa bàn theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN./.

PHỤ LỤC I

Phân công đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ và giải pháp của Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030 tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/ 2020 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CBTNS ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHÓI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
1	Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án					
1.1	Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Đề án (Kế hoạch thực hiện Đề án)	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Quyết định của Bộ ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án	Quý IV/2020	
1.2	Thông tin, phổ biến tới các tổ chức, cá nhân có liên quan (Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, ...) về Kế hoạch thực hiện Đề án	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Thông tin, phổ biến Kế hoạch thực hiện Đề án lên Website của Bộ và Website của các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Bộ	Quý IV/2020	Kinh phí NSNN

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
1.3	Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án và theo dõi, đôn đốc; tham mưu xử lý kịp thời các nội dung phát sinh	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	- Báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ và đột xuất gửi Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền; - Các văn bản đôn đốc, các báo cáo nội dung phát sinh và tham mưu xử lý	Năm 2020 – 2030	
1.4	Tổ chức Hội nghị triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030	Cục Chế biến và PTTNS, Văn phòng Bộ	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội	Báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị	Quý IV/2020	Kinh phí NSNN
1.5	Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và triển khai Đề án định kỳ hàng năm của các Bộ, Ngành, địa phương theo trách nhiệm được phân công	Cục Chế biến và PTTNS	Các bộ ngành, địa phương, và các đơn vị liên quan	Báo cáo Chính phủ, Bộ và các cấp có thẩm quyền	Quý IV hàng năm	
1.6	Tổ chức các hội thảo chuyên đề triển khai và phát triển các kết quả Đề án	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị quản lý, nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội và nông dân	Báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị	Năm 2020-2030	Kinh phí NSNN

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
1.7	Tổ chức hội nghị Sơ kết thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030	Cục Chế biến và PTTNS, Văn phòng Bộ	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội	Báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị	Quý IV/2025	Kinh phí NSNN
1.8	Tổ chức hội nghị Tổng kết thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030	Cục Chế biến và PTTNS, Văn phòng Bộ	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội	Báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị	Quý IV/2030	Kinh phí NSNN
2	Chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các Bộ, ngành và địa phương khác có liên quan					
2.1	Lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành trồng trọt với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược, đề án phát triển và kế hoạch cơ cấu lại ngành trồng trọt giai đoạn 2020-2030 và các năm tiếp theo về phát triển trồng trọt hữu cơ	Cục Trồng trọt	Cục Chế biến và PTTNS, Vụ Kế hoạch	Báo cáo cụ thể kết quả thực hiện hàng năm	Quý IV hàng năm	Kinh phí cấp cho các Chương trình, Đề án của các đơn vị
2.2	Lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành chăn nuôi với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 về phát triển chăn nuôi hữu cơ	Cục Chăn nuôi	Cục Chế biến và PTTNS, Vụ Kế hoạch	Báo cáo cụ thể kết quả thực hiện hàng năm	Quý IV hàng năm	Kinh phí cấp cho các Chương trình, Đề án của các đơn vị

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
2.3	Lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành thủy sản với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 về phát triển thủy hải sản hữu cơ	Tổng cục Thủy sản	Cục Chế biến và PTTNS, Vụ Kế hoạch	Báo cáo cụ thể kết quả thực hiện hàng năm	Quý IV hàng năm	Kinh phí cấp cho các Chương trình, Đề án của các đơn vị
2.4	Lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành lâm nghiệp với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các Bộ, ngành và địa phương khác có liên quan về phát triển đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên và sản xuất thâm canh	Tổng cục Lâm nghiệp	Cục Chế biến và PTTNS, Vụ Kế hoạch	Báo cáo cụ thể kết quả thực hiện hàng năm	Quý IV hàng năm	Kinh phí cấp cho các Chương trình, Đề án của các đơn vị
2.5	Lồng ghép các chương trình, đề án thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các Bộ, ngành và địa phương khác có liên quan về phát triển sản xuất và tiêu thụ phân bón hữu cơ và thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục	Cục Bảo vệ thực vật	Cục Chế biến và PTTNS, Vụ Kế hoạch	Báo cáo cụ thể kết quả thực hiện hàng năm	Quý IV hàng năm	Kinh phí cấp cho các Chương trình, Đề án của các đơn vị
2.6	Tổng hợp, theo dõi và đôn đốc thực hiện Đề án	Cục Chế biến và PTTNS	Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Báo cáo tổng hợp trình Bộ	Quý IV hàng năm	
3	Đề xuất và xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ					

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
3.1	Theo dõi, nắm bắt thông tin định kỳ/đợt xuất báo cáo Bộ việc thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP đối với từng chuyên ngành, phát hiện và đề xuất sửa đổi bổ sung các chính sách đã ban hành hoặc xây dựng mới các cơ chế chính sách cần thiết nhằm phát triển nông nghiệp hữu cơ (khuyến khích sử dụng vật tư đầu vào để sản xuất sản phẩm hữu cơ trong các lĩnh vực nông lâm thủy sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu tư trong lĩnh vực này)	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo đơn vị đầu mối	Định kỳ/đợt xuất	
3.2	Tổng hợp, tham mưu, đề xuất Bộ sửa đổi bổ sung các chính sách đã ban hành hoặc xây dựng cơ chế, chính sách mới nhằm phát triển nông nghiệp hữu cơ	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Báo cáo đề xuất tham mưu Bộ và các cấp có thẩm quyền	Định kỳ/đợt xuất	

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
4	Chủ trì lựa chọn và xác định các yếu tố hoàn thiện những mô hình thí điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại các địa phương theo danh mục đã phê duyệt; lựa chọn các đơn vị có năng lực nghiên cứu, chứng nhận và liên kết chuỗi giá trị tham gia triển khai mô hình thí điểm; xây dựng kế hoạch triển khai và từng bước nhân rộng mô hình					
4.1	<i>Rà soát, đề xuất hoàn thiện bộ tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ</i>					
4.1.1	Rà soát, đề xuất xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Cà phê hữu cơ; Hồ tiêu hữu cơ; Điều hữu cơ; Dừa hữu cơ và Rau hữu cơ, Quả hữu cơ (quả có mùi)	Cục Trồng trọt	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Bảo vệ thực vật	TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Cà phê hữu cơ; Hồ tiêu hữu cơ; Điều hữu cơ; Dừa hữu cơ và Rau hữu cơ, Quả hữu cơ (quả có mùi)	Năm 2021-2025	Kinh phí NSNN cấp cho các đơn vị về xây dựng tiêu chuẩn

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
4.1.2	Rà soát, đề xuất xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Mật ong hữu cơ; Tổ yến (Yến sào) hữu cơ và Thức ăn chăn nuôi hữu cơ, Thịt hữu cơ, Trứng hữu cơ	Cục Chăn nuôi	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Quản lý chất lượng NLS&TS, Cục Thú y	TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Mật ong hữu cơ; Yến sào hữu cơ và Thức ăn chăn nuôi hữu cơ, Thịt hữu cơ, Trứng hữu cơ	Năm 2021-2025	Kinh phí NSNN cấp cho các đơn vị về xây dựng tiêu chuẩn
4.1.3	Rà soát, đề xuất xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Canh tác được liệu hữu cơ dưới tán rừng	Tổng cục Lâm nghiệp	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Bảo vệ thực vật	TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Canh tác được liệu hữu cơ dưới tán rừng	Năm 2021-2025	Kinh phí NSNN cấp cho các đơn vị về xây dựng tiêu chuẩn
4.1.4	Hoàn thiện xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối thực phẩm và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối tinh	Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối thực phẩm và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối tinh	Năm 2020	Kinh phí NSNN cấp cho các đơn vị về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn
4.1.5	Rà soát, đề xuất xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Nuôi trồng thủy sản hữu cơ, Sản phẩm xử lý cải tạo môi trường hữu cơ	Tổng cục Thủy sản	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Quản lý chất lượng NLS&TS, Cục Thú y	TCVN- Nông nghiệp hữu cơ- Phần: Nuôi trồng thủy sản hữu cơ	Năm 2021-2025	Kinh phí NSNN cấp cho các đơn vị về xây dựng tiêu chuẩn

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
4.2	<i>Lựa chọn thí điểm đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, dược liệu) và các mô hình nuôi thực phẩm</i>					
4.2.1	Tổng hợp các mô hình theo đề xuất của địa phương (các mô hình thuộc đề án, dự án đã được địa phương phê duyệt và đảm bảo các điều kiện triển khai sản xuất, chế biến, liên kết và tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ trên địa bàn) và theo danh mục đã phê duyệt tại mục I Phụ lục kèm theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Cục Chế biến và PTTTNS	Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố	Danh sách tổng hợp mô hình các địa phương đề xuất	Quý IV/2020	
4.2.2	Tổ chức xét chọn và trình Bộ phê duyệt danh sách lựa chọn mô hình thí điểm	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Tổng cục (Thủy sản, Lâm nghiệp) và các Cục (Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Chế biến và Phát triển thị trường nông sản), Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các đơn vị có liên quan ngoài Bộ và chuyên gia	Quyết định của Bộ phê duyệt danh sách mô hình thí điểm.	Quý IV/2020 - Quý I/2021	Kinh phí NSNN

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
4.2.3	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành, các Vụ thuộc Bộ; địa phương, hệ thống khuyến nông địa phương; các đơn vị có liên quan	Các định mức kinh tế kỹ thuật cho từng mô hình cụ thể	Quý IV/2020 - Quý I/2021	Kinh phí NSNN
4.2.4	Tổ chức triển khai và nhân rộng mô hình					
-	Đối với các mô hình hoàn thiện cho các hộ gắn với kinh phí khuyến nông hàng năm	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành, các Vụ thuộc Bộ; địa phương, hệ thống khuyến nông địa phương; các đơn vị có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất các nội dung khuyến nông cho các mô hình - Kế hoạch triển khai từng mô hình - Báo cáo kết quả mô hình hoàn thiện và nhân rộng mô hình 	Quý IV hàng năm	Kinh phí NSNN dành cho chương trình khuyến nông
-	Đối với các mô hình hoàn thiện cho các Hợp tác xã gắn với chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Địa phương, các HTX; các đơn vị có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai các nội dung hoàn thiện từng mô hình - Báo cáo kết quả mô hình hoàn thiện và nhân rộng mô hình 	Quý IV hàng năm	Kinh phí NSNN khuyến khích phát triển hợp tác xã, Các nguồn vốn khác

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
-	Đối với các mô hình hoàn thiện trong các Chương trình khoa học cấp Bộ hoặc cấp quốc gia	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Các đơn vị có liên quan, Địa phương, các doanh nghiệp, HTX	- Kế hoạch triển khai các nội dung hoàn thiện từng mô hình - Báo cáo kết quả mô hình hoàn thiện và nhân rộng mô hình	Quý IV hàng năm	Kinh phí NSNN dành cho KHCN, Các nguồn vốn khác
4.3	<i>Lựa chọn thí điểm đối với các mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ</i>					
4.3.1	Tập hợp danh sách các đơn vị tự nguyện đăng ký tham gia các mô hình thí điểm nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ theo danh mục đã phê duyệt tại mục II Phụ lục kèm theo Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Cục Chế biến và PTTNS	Danh sách tổng hợp các đơn vị tự nguyện tham gia thực hiện mô hình kèm hồ sơ năng lực các đơn vị	Quý IV/2020-Quý I/2021	

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
4.3.2	Tổ chức xét chọn các đơn vị thực hiện mô hình	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành, các Vụ của Bộ, Trung tâm Khuyến nông quốc gia, các đơn vị có liên quan và chuyên gia	Quyết định của Bộ phê duyệt danh sách mô hình thí điểm.	Quý IV/2020 - Quý I/2021	Kinh phí NSNN
5	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn các nội dung liên quan đến Đề án					
5.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thông tin truyền thông nâng cao nhận thức về nông nghiệp hữu cơ và nội dung đề án	Cục Chế biến và PTTNS	Văn phòng Bộ; Các đơn vị có liên quan	Tin, bài trên các phương tiện truyền thông, tài liệu Hội thảo, sổ tay, tờ rơi, clip...	Hàng năm	Kinh phí NSNN lồng ghép với các chương trình của Bộ
5.2	Triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam; thường xuyên liên lạc với các tổ chức chứng nhận quốc tế uy tín trên thế giới, tổ chức các lớp tập huấn với các chuyên gia hàng đầu thế giới để từng bước nâng cao nhận thức, sản xuất và năng lực chứng nhận về nông nghiệp hữu cơ	Cục Chế biến và PTTNS	Vụ Khoa học CN&MT, Vụ Hợp tác quốc tế; Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	Kinh phí NSNN đối ứng lồng ghép với các chương trình của Bộ

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
5.3	Hướng dẫn thực thi các chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ, các hoạt động chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành của Bộ, Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Cục Chế biến và PTTNS	Báo cáo Bộ (qua đơn vị đầu mối)	Quý IV hàng năm	
5.4	Hỗ trợ, tạo điều kiện để thành lập, nâng cao năng lực, phát triển các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam; theo dõi, tổng hợp danh sách về các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, các tổ chức chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/Đợt xuất	
6	Bồi dưỡng, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực					
6.1	Xây dựng chương trình, tài liệu về nông nghiệp hữu cơ					
6.1.1	Thành lập Hội đồng nghiệp thu, phê duyệt ban hành chương trình, tài liệu về nông nghiệp hữu cơ	Vụ Tổ chức cán bộ	Tổng cục, Cục chuyên ngành, Cục Chế biến và PTTNS, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ VN, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Quyết định thành lập Hội đồng	Quý I-II/2021	

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
6.1.2	Xây dựng, nghiệm thu, phát hành bộ tài liệu về nông nghiệp hữu cơ cho cán bộ quản lý các cấp	Vụ Tổ chức cán bộ	Tổng cục, Cục chuyên ngành, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ tài liệu để tập huấn nâng cao năng lực cho người làm công tác quản lý nhà nước các cấp	Quý I-II/2021	Kinh phí NSNN lồng ghép với các chương trình của Bộ
6.1.3	Xây dựng, nghiệm thu, phát hành bộ tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho người sản xuất	Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT	Tổng cục, Cục chuyên ngành, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ tài liệu để tập huấn nâng cao năng lực cho người sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Quý I-II/2021	Kinh phí NSNN dành cho hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã nông nghiệp và các nguồn vốn khác lồng ghép với các chương trình của Bộ
6.1.4	Xây dựng, nghiệm thu, phát hành bộ tài liệu tập huấn cho tập huấn viên (TOT)	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	Tổng cục, Cục chuyên ngành, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ tài liệu để tập huấn cho tập huấn viên (TOT) và tập huấn cho người sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Quý I-II/2021	Kinh phí NSNN dành cho chương trình Khuyến nông, chương trình hợp tác đối tác công tư PPP và các nguồn vốn khác lồng ghép với các chương trình của Bộ
6.2	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hàng năm cho người làm công tác quản lý tại Trung ương và địa phương	Vụ Tổ chức cán bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT địa phương	Tổng cục, Cục chuyên ngành, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	Kinh phí ngân sách Trung ương (của Bộ), ngân sách địa phương, nguồn vốn ODA (nếu có và các nguồn vốn khác lồng ghép với các chương trình của Bộ

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
6.3	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hàng năm cho người làm công tác tập huấn TOT về nông nghiệp hữu cơ (người làm công tác khuyến nông trung ương và các tỉnh)	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	Tổng cục, Cục chuyên ngành, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	Kinh phí NSNN dành cho chương trình Khuyến nông, chương trình hợp tác đối tác công tư PPP và các nguồn vốn khác lồng ghép với các chương trình của Bộ
6.4	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hàng năm cho người sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT	Tổng cục, Cục chuyên ngành, các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	Kinh phí NSNN dành cho hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã nông nghiệp và các nguồn vốn khác lồng ghép với các chương trình của Bộ
6.5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành nâng cao năng lực chứng nhận sản phẩm hữu cơ cho các tổ chức chứng nhận	Tổng cục, cục chuyên ngành thuộc Bộ	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	Kinh phí NSNN lồng ghép với các chương trình của Bộ
7	Tăng cường chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hữu cơ					
	Ưu tiên chế biến các sản phẩm hữu cơ bao gồm các món ăn, các loại thực phẩm, đồ uống, thuốc dược liệu, mỹ phẩm... để nâng cao giá trị gia tăng	Cục Chế biến và PTTNS	Vụ Khoa học công nghệ và MT, Các Tổng cục, Cục chuyên ngành của Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	Kinh phí NSNN lồng ghép với các chương trình của Bộ
8	Quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ					

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
8.1	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý giống, quy trình canh tác trồng trọt hữu cơ...	Cục Trồng trọt	Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	
8.2	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý giống, thức ăn chăn nuôi và quy trình chăn nuôi hữu cơ....	Cục Chăn nuôi	Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	
8.3	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý giống, thức ăn và quy trình nuôi trồng thủy sản hữu cơ....	Tổng cục Thủy sản	Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	
8.4	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý phân hữu cơ sinh học, các chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học... cho sản xuất trồng trọt hữu cơ	Cục Bảo vệ thực vật	Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	
8.5	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý thuốc thú y sinh học, chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học... cho chăn nuôi hữu cơ và nuôi trồng thủy sản hữu cơ	Cục Thú y	Thanh tra Bộ và các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo triển khai thực hiện	Định kỳ/ Đợt xuất	
9	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện Đề án					
9.1	Xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch hàng năm việc tổ chức Đoàn công tác liên ngành đánh giá, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Kế hoạch trình Bộ	Định kỳ/ đợt xuất	

STT	NỘI DUNG, NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN – HOÀN THÀNH	NGUỒN KINH PHÍ
9.2	Tổ chức đoàn công tác liên ngành đánh giá, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án	Cục Chế biến và PTTNS	Các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ	Báo cáo kết quả Đoàn công tác	Định kỳ/ đợt xuất	Kinh phí NSNN

PHỤ LỤC II
Phân công đầu mối các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Bộ ngành
tổ chức thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030
tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/ 2020 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-CBTNS ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	CÁC CÔNG VIỆC THEO NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	Đơn vị đầu mối	Thời gian thực hiện
1	Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và địa phương		
1.1	Xác định, xây dựng các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm chủ lực như lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, chè, hồ tiêu, cà phê, dừa, điều; xây dựng kế hoạch chuyển đổi các vùng đang sản xuất các sản phẩm chủ lực sang sản xuất hữu cơ. Cụ thể: (i) Lúa: 50.000-70.000 ha vào năm 2025; 10.000-150.000 ha vào năm 2030; (ii) Rau, đậu: khoảng 10.000 ha vào năm 2025; 20.000 ha vào năm 2030; (iii) Cây ăn quả các loại: 10.000-12.000 ha vào năm 2025; 20.000-25.000 ha vào năm 2030; (iv) Chè: 1.500-2.000 ha vào năm 2025; 3.000-5.000 ha vào năm 2030; (v) Hồ tiêu: 1.500-2.000 ha vào năm 2025; 3.000-4.000 ha vào năm 2030; (vi) Cà phê: 6.000-8.000 ha vào năm 2025 và 12.000-15.000 ha vào năm 2030; (vii) Điều: 1.000-1.500 ha vào năm 2025; 2.000-3.000 ha vào năm 2030; (viii) Dừa: 2.000-4.000 ha vào năm 2030; (ix) Ca cao: khoảng 100.000 ha vào năm 2030...	Cục Trồng trọt	2020 - 2030
1.2	Xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như Sữa, sản phẩm mật ong, sản phẩm yến, thịt gia súc gia cầm; xây dựng vùng chăn nuôi trâu, bò hữu cơ gắn với vùng đồng cỏ, vùng trồng trọt sản xuất thức ăn thô xanh hữu cơ. Cụ thể: (i) Vùng chăn nuôi trâu, bò hữu cơ: đàn trâu, bò đạt khoảng 100 - 150 ngàn con vào năm 2025 và khoảng 160 - 180 ngàn con vào năm 2030. Trong đó bò sữa khoảng 10 - 15 ngàn con năm 2025 và khoảng 20 - 30 ngàn con năm 2030; (ii) Vùng chăn nuôi lợn hữu cơ: đàn lợn đạt khoảng 250 - 400 ngàn con năm 2025 và khoảng 600 - 800 ngàn con năm 2030; (iii) Vùng chăn nuôi gia cầm hữu cơ: đàn gia cầm đạt khoảng 5 - 8 triệu con năm 2025 và khoảng 9 - 12 triệu con năm 2030. Trong đó đàn gà hữu cơ khoảng 9 - 10 triệu con; (iv) Vùng nuôi ong hữu cơ: sản lượng mật ong hữu cơ khoảng 5 - 8 ngàn tấn	Cục Chăn nuôi	2020 - 2030
1.3	Xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ (gồm các sản phẩm chủ lực như tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa); phát triển vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ tập trung đạt khoảng 60.000-80.000 ha vào năm 2030	Tổng cục Thủy sản	2020 - 2030
1.4	Xây dựng và phát triển vùng sản xuất hữu cơ được chứng nhận từ các vùng sản xuất, khai thác sản phẩm tự nhiên; phát triển sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên và sản xuất thâm canh	Tổng cục Lâm nghiệp	2020 - 2030
1.5	Đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn cây hữu cơ gắn với thu gom rác thải, làm phân hữu cơ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới.	Văn phòng điều phối CTMTQG Nông thôn mới	2020 - 2025

TT	CÁC CÔNG VIỆC THEO NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	Đơn vị đầu mối	Thời gian thực hiện
1.6	<p>- Tăng cường sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định</p>	<p>Tổng cục Thủy sản, Lâm nghiệp và các Cục Trồng trọt, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Chế biến và PTTTNS</p>	<p>2020 - 2030</p>
2	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ		
2.1	<p>Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ trong các chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao kết hợp với phát huy kiến thức bản địa, sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính. - Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp. - Nghiên cứu, đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất, nhu cầu dinh dưỡng cho các cây trồng chủ lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững. - Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao. - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng cao và giá trị sinh học đặc thù, đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe của người dân. - Nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, đặc biệt kháng sâu bệnh, phù hợp với sản xuất hữu cơ; nghiên cứu, phát triển và sử dụng con giống hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản. - Nghiên cứu, phát triển và sử dụng vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản. 	<p>Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường</p>	<p>2020 - 2025</p>
2.2	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ. - Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030. 	<p>Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường</p>	<p>2020 - 2025</p>
3	Phối hợp với Bộ Công Thương		
3.1	<p>- Xây dựng hệ thống phân phối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ (kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái) theo đặc thù vùng miền, qua đó tổng kết bài học thành công để hoàn thiện các quy trình kỹ thuật và tập huấn, chuyển giao.</p>		

TT	CÁC CÔNG VIỆC THEO NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	Đơn vị đầu mối	Thời gian thực hiện
3.2	- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và phát triển thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam. - Khuyến khích các doanh nghiệp đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.	Cục Chế biến và PTTTNS	2020 - 2030
3.3	- Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam khi lưu thông trên thị trường phải được chứng nhận và có nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, lô ô sản phẩm tương ứng với tiêu chuẩn đã được chứng nhận.	Thanh tra Bộ	2020 - 2030
4	Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo		
	Tăng cường giáo dục về nông nghiệp hữu cơ cho học sinh phổ thông và sinh viên các trường dạy nghề, cao đẳng và trường đại học thuộc lĩnh vực nông lâm thủy sản.	Cục Chế biến và PTTTNS, khối Viện, Trường thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT	2020 - 2030
5	Phối hợp với Bộ Tài chính		
	Bổ trí kinh phí thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ của đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan; Hướng dẫn cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ	Vụ Tài chính	
6	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
	Cân đối, bổ trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và hướng dẫn việc lồng ghép các nguồn vốn để đảm bảo hiệu quả đầu tư	Vụ Kế hoạch	
7	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
7.1	Xác định, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, vùng có lợi thế và các sản phẩm hữu cơ chủ lực, sản phẩm bản địa đặc trưng, có tiềm năng	Tổng cục Thủy sản, Lâm nghiệp và các Cục Trồng trọt, Chăn nuôi	2020 - 2030
7.2	Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung tạo ra hàng hóa quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực.	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	2020 - 2025
7.3	Khuyến khích các hình thức sản xuất quy mô hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác sản xuất các sản phẩm đặc sản bản địa, sản phẩm khai thác từ tự nhiên có giá trị gia tăng cao và giá trị truyền thống	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2020 - 2025
7.4	Đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn cây hữu cơ gắn với thu gom rác thải, làm phân hữu cơ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới.	Văn phòng điều phối CTMTQG Nông thôn mới	2020 - 2025
7.5	Quản lý nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ: nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản...	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành thuộc Bộ	2020 - 2030